# CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI WTO CỦA TRUNG QUỐC

DANH ĐỨC

Cuối cùng thì Bộ trưởng ngoại thương và hợp tác kinh tế Trung Quốc (TQ) Shi Gaungsheng và đại diện thương mại Mỹ Charlene Barshefsky cũng mời nhau ly sâm banh khi cùng đặt bút ký kết hiệp định về việc TQ gia nhập WTO sau đợt đàm phán không ngơi nghỉ kéo dài 6 ngày đêm, kết thúc 13 năm đàm phán không khoan nhượng. Con đường đến với WTO của TQ đã rộng mở: 80% những gì cần đàm phán với thế giới đã được thông qua trong hiệp định vừa ký với Mỹ và hiệp định ký trước đó vào tháng 7 với Nhật Bản, những gì còn lại sẽ thương thuyết với EU, Canada v.v..., những nước phát triển hàng đầu.

Có thể thấy gì qua việc TQ dứt khoát gia nhập WTO? Trước hết và trên hết là TQ không muốn lỡ "chuyến tàu" cuối cùng của WTO trong thế kỷ này, "khởi hành" tại Seattle, Mỹ, vào ngày 30.11 nhân hội nghị thượng đỉnh WTO. Đó là một ý muốn chính trị kiên trì đàm phán trong suốt 13 năm kể từ khi nộp đơn gia nhập GATT (sau 1995 trở thành WTO), kể cả trong những giai đoạn căng thẳng phải tạm ngưng đàm phán vì những bất đồng sâu sắc bên ngoài lĩnh vực kinh tế như vào năm 1989 trong vòng 6 tháng do phương Tây can thiệp vào công việc nội bộ của TQ sau vụ Thiên An Môn hoặc từ tháng 5 đến tháng 9 năm nay sau vụ NATO ném bom sứ quán TQ tại Nam Tư. Có thể thấy trong 13 năm đó, những nhà lãnh đạo liên tiếp của TQ, cho dù là ai đi nữa, cũng đã phân biệt rằng mục tiêu chính vẫn là gia nhập WTO, TQ sẽ hội nhập trọn vẹn vào nền kinh tế thế giới cho dù đã có những lúc phải chống trả với những thế lực thù địch dùng chính kinh tế làm "vũ khí" tấn công TQ năm này qua năm khác vào "mùa" xét quy chế tối huệ quốc.

Có thể tin rằng quyết tâm gia nhập WTO của TQ đến từ những nhận thức rằng "con tàu" WTO đó cũng chính là "con tàu" lịch sử với đích đến là một nền thương mại thế giới mà trên lý thuyết được WTO xác định là:

1. Không phân biệt đối xử: Không một nước nào có thể phân biệt đối xử với các nước bạn hàng của mình cùng có chân trong WTO hoặc với các sản phẩm, dịch vụ cùng các công dân các nước này.

2. Tự do hơn: Các rào cản sẽ lần lượt được gỡ bỏ qua thương thuyết.

3. Có thể tiên liệu được: Các công ty, các nhà đầu tư, các chính phủ các nước sẽ được đảm bảo rằng sẽ không có những rào cản đột xuất mọc lên một cách tùy tiện, nay bằng nghị định này, mai bằng thông tư nọ...

4. Cạnh tranh hơn: trong ý nghĩa không còn những hành động "không sòng phẳng" như phá giá, trợ cấp xuất khẩu...

5. Chiếu cố đến các nước kém phát triển nhất: Các nước này, được định nghĩa là có GDP/đầu người dưới 1.000 USD/năm, sẽ được những thời gian ân hạn, một sự linh động du di hơn trong những tình huống cần bảo vệ một lĩnh vực sản xuất và dịch vụ nào đó có nguy cơ bị phá sản trước làn sóng nước ngoài.

Đối chiếu năm điều kiện vào trường hợp TQ, có thể thấy trong quá trình buôn bán lâu dài với Mỹ, EU và Nhật, TQ đã rút ra được bài học là: chỉ với việc gia nhập hẳn vào WTO mới tránh được những "cú nhảy" phân biệt đối xử, không tiên liệu trước được bằng những rào cản mỗi năm mỗi dựng lên của một số nước đầu xỏ, nhất là Mỹ với cái gọi là quy chế tối huệ quốc. Khó có thể buôn bán một cách suôn sẻ nếu như cứ mỗi năm mỗi đợi đối phương cấp cho mình quy chế tối huệ quốc. Riêng điều kiện cuối cùng, ưu đãi cho các nước kém phát triển, cuối cùng TQ cũng đã buộc Mỹ phải nhìn nhận rằng TQ vẫn thuộc nhóm này, cho dù trong buôn bán với Mỹ, TQ có thặng dư.

Với quy chế thành viên WTO, TQ, một khi gia nhập, sẽ không còn phải thụ động để cho đối phương ép mình như trước nữa. Đây là một tính toán hết sức chiến lược của những nhà lãnh đạo TQ trong hơn 13 năm qua. Là những người con của một đất nước đã sáng tạo ra môn cờ tướng, một môn tưởng chừng là thú tiêu khiển trong nhóm "cầm, kỳ, thi họa" nhưng thực chất lại là một môn rèn luyện đầu óc tính toán tập phản xạ nhìn xa trông rộng, những nhà lãnh đạo TQ không thể không cân nhắc những cái được và mất, đã thừa biết cái giá của những nhượng bộ (mở cửa các lĩnh vực công nghiệp ô tô, công nghiệp truyền thông, dịch vụ ngân hàng vào bảo hiểm) mà họ sẽ phải chịu nhường cho Mỹ (tức cho thế giới sau này khi TQ tham gia WTO) là bao nhiêu khi đồng ý ký với Mỹ hiệp định về việc gia nhập WTO này: sẽ mất mát bao nhiêu về người (thất nghiệp), về của (xí nghiệp phá sản, đóng cửa...). Vậy, dựa vào đâu mà những nhà lãnh đạo TQ từ hơn 13 năm qua đã nhất quyết gia nhập WTO nếu không phải chính là tự tin nơi nội lực của dân tộc mình? Nội lực đó không thể đếm bằng tiền của mà bằng quyết tâm cải cách từ một nền kinh tế chỉ huy bao cấp sang một nền kinh tế tuân theo những quy luật của thị trường. Sẽ không phải là không đau đớn khi phải tái cơ cấu lại những nhà máy, những xí nghiệp, những công ty, những ngân hàng...nào không làm ăn có hiệu quả. Một số người nói nhiều đến số công nhân viên sẽ phải thất nghiệp do bị giảm biên chế. Thế nhưng, điệp khúc này không phải là mới mẻ. Ngay từ khi mới mở cửa, điệp khúc này đã bắt đầu rồi. Trong thực tế cũng đã có hàng triệu công nhân bị giảm biên chế,

hàng chục triệu nông dân bỏ ruộng lên tỉnh kiếm việc, làm tăng thêm áp lực lao động.

Nếu chỉ nhìn trong cái vỏ sò bao cấp, sẽ thấy sao mà ghê gớm thế. Thế nhưng, nếu chịu nhìn ra bên ngoài, sẽ thấy ngay cả ở các nước phát triển nhất cũng đang tiến hành những vụ "tái cơ cấu", giảm biên chế đó. Tháng 10 vừa qua, hãng Renault của Pháp, khi mua lại hãng Nissan của Nhật, đã ra quyết định giảm đến 22.000 chỗ làm tại các nhà máy Nissan ở Nhật. Công nhân Renault có biểu tình chia buồn với những đồng nghiệp Nissan - Renault mới của họ thì cứ việc, ban lãnh đạo Nissan - Renault vẫn thản nhiên giảm biên chế. Số phận các công nhân là lớn, thế nhưng không có nghĩa là mọi công nhân đều sẽ bị giảm biên chế hoặc sẽ không tìm được chỗ làm mới trong những nhà máy, cơ sở mới sẽ mở cửa, từ các nhà máy, cơ sở của nước ngoài đến các nhà máy cơ sở sẽ thành lập từ đồng vốn nhà nước mà, thay vì dùng để bù lỗ liên tục, sẽ được dùng để đầu tư cho những nhà máy, cơ sở nào cạnh tranh được cùng những nhà máy, cơ sở mới. Sẽ có những nhà máy, xí nghiệp phải tái cơ cấu, nhưng cũng có những nhà máy, xí nghiệp đã, đang và sẽ tồn tại bằng tính hiệu quả. Điều này đã diễn ra trong 13 qua và tổng sản lượng quốc dân TQ ngày càng tăng vọt. Tái cơ cấu còn mang một ý nghĩa khác mà khi than vãn về những vụ "tái cơ cấu", người ta ít nói đến: một khi "tái cơ cấu", sẽ không còn chỗ cho những cán bộ quản lý thiếu năng lực và rằng quyền lợi trực tiếp hay gián tiếp của một số không ít trong số những cán bộ này (từ lương và bổng đến những tiện nghi "chức vụ" kèm theo như xe cộ, nhà ở, và nhất là quyền "vô tư" chi tiêu công quỹ, nếu không nói đến khả năng tư túi) cũng sẽ phải biến mất. Thành ra, chính việc "tái cơ cấu" đó sẽ còn là một cơ hội để giải quyết cả gánh nặng tham nhũng vì lẽ khi không còn chức vụ nữa, lấy gì mà tham với nhũng. Nếu nhìn sâu vào quá trình "tái cơ cấu" của TQ, ta sẽ thấy năm ngoái vào giờ này TQ còn mạnh dạn xóa sổ cả những xí nghiệp của quân đội và cảnh sát, như để đảm bảo rằng sẽ không còn tình trạng "một quốc gia trong một quốc gia" trong đó, tất nhiên không phải là tất cả, muốn tự tung, tự tác thế nào, tùy. Chính hiểu ra ý nghĩa "lành mạnh hóa" này của công cuộc "tái cơ cấu", mà các chính phủ liên tiếp của TQ từ hơn 13 năm qua đã quyết định đi theo con đường gia nhập WTO và mạnh dạn chấp nhận những thách thức của việc mở cửa thị trường, kể cả thách thức số xí nghiệp phải xóa sổ và số người thất nghiệp gia tăng trong một đất nước dân số lên đến 1,2 tỷ người.

Một yếu tố khác, cũng là then chốt, đã giúp các nhà lãnh đạo TQ quyết tâm chấp nhận những thách thức của việc gia nhập WTO: cán cân mậu dịch xuất siêu với Mỹ chứng tỏ TQ thừa tiềm năng đối phó với "cơn lũ" mở cửa. Mặt khác, TQ tin vào một nguồn nội lực đáng kể: sự đầu tư của Hoa kiều hải ngoại. Trong quá khứ, chính giới Hoa kiều này đã đầu tư vào TQ nhiều hơn là các nhà đầu tư nước ngoài. Tạo được niềm tin nơi giới Hoa kiều để huy động vốn liếng vật chất và tinh thần của họ chính là một thành tựu của chính sách "Hoa kiều vận" của TQ. Một nguồn nội lực khác: các du học sinh TQ. Từ thập niên 80, TQ đã mở cửa cho phép sinh viên ra nước ngoài du học. Bất chấp những con số du học sinh tốt nghiệp không về nước lúc đầu có là cao, TQ vẫn khuyến khích du học nước ngoài do quan niệm rằng cho dù chỉ một phần nhỏ số du học sinh về nước cũng còn hơn không. Từ đó, TQ không ngừng cải tiến chính sách đãi ngộ thu hút du học sinh về nước và đã thành công. Thật ra, sự đãi ngộ vật chất này đã do chính khu vực kinh tế tư nhân "lo" rồi, với đồng lương và phụ cấp ngày càng "nước lên, thuyền lên". Vấn đề là làm sao cho du học sinh tin tưởng rằng một khi về nước phục vụ họ sẽ không phải gặp những bất trắc không tiên liệu trước do những thay đổi chính sách. Chính nguồn du học sinh này đã là một nguồn nội lực đáng kể của TQ. Trên một bình diện khác, hơn hai chục năm đổi mới kinh tế đủ để cho TQ hiểu thế nào là quy luật của những "lợi thế so sánh" (advantages comparatifs) mà Ricardo đã phát kiến, và TQ đã kiểm nghiệm quy luật đó bằng các nỗ lực đổi mới cơ chế, đổi mới quản lý, đổi mới sản xuất để rồi đạt đến một tính cạnh tranh không thể coi thường.

Mười ba năm thương thuyết với Mỹ về việc gia nhập WTO cũng đủ để cho TQ hiểu tường tận thế nào là WTO, đâu là những thuận lợi cũng như những bất lợi mà sự gia nhập WTO sẽ đem đến, để rồi dứt khoát chọn "cánh cửa hẹp" WTO - "cánh cửa hẹp" trong ý nghĩa nguyên thủy là không thể "đắc đạo" nếu không chấp nhận hy sinh những yếu đuối ươn hèn. Mười ba năm thương thuyết kiên trì và ngoan cường cho đến phút chót của TQ còn cho thấy căn bản vẫn là khi thương thuyết phải cố gắng mặc cả từng chút một cho đến khi không còn "cò kè thêm bớt một hai" hơn được nữa, để rồi sau đó sẽ "tấn công" vào thị trường đối phương từ chính những gì đã giành được từ đối phương. TQ cũng hiểu rằng WTO còn là một vòng đàm phán lâu dài mới, như các vòng đàm phán trước đây của GATT (tiền thân của WTO), và rằng có vào trong WTO mới không phải thua thiệt vì những gì thiên hạ thỏa thuận, mình sẽ không được hưởng nếu như là kẻ vắng mặt.

Quyết định gia nhập WTO cho thấy tính liên tục trong ý muốn lãnh đạo của những nhà lãnh đạo nối tiếp nhau của TQ không chỉ trong suốt 13 năm qua mà còn là trước đó khi còn phải quyết định sẽ tham gia hay không tham gia "ngôi chợ toàn cầu" này. Nếu quay trở lại thời điểm cách đây 13 năm (1986), thậm chí trước đó, tức trước khi TQ nộp đơn gia nhập GATT, sẽ thấy quyết định của những nhà lãnh đạo TQ lúc đó là can đảm, tự tin và thức thời như thế nào. Vào thời điểm trước năm 1986 đó, TQ mới chỉ thử nghiệm mở cửa một vài đặc khu kinh tế dọc duyên hải Thái Bình Dương, tổng sản lượng quốc dân vẫn còn khiêm tốn, hàng hóa "made in China" vẫn còn mang vóc dáng của thời kỳ "mậu dịch" và của một nền công nghiệp vẫn còn "sơ sài" trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng nhưng lại rất "tập trung đầu tư" cho những lĩnh vực mũi nhọn quốc phòng như bom hạt nhân, tên lửa...Ngay cả về mặt chủ trương đường lối cũng thế: tháng 7.1986, TQ nộp đơn gia nhập GATT, tức chấp nhận tham gia thị trường và các quy luật của thị trường, nhưng mãi đến ngày 18.5.1988, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình mới chính thức đưa ra định đề "một chủ nghĩa xã hội thích ứng với từng nước" làm nền tảng cho con đường cải cách, nối tiếp con đường "bốn hiện đại hóa" mà cố Thủ tướng Chu Ân Lai đã từng đề ra trước kia, một con đường đã bị "đóng cửa" trong một thời gian dài, mãi đến 1979 mới được "mở" lại. Cùng lúc với chọn lựa nhất quyết "vào chợ" mà buôn mà bán, TQ cũng đã mạnh dạn đổi mới kinh tế, nhất là tư duy kinh tế, từ giã tư duy bao cấp, kế hoạch chuyển sang tư duy tự hạch toán, và từ đó đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý.

Con đường gia nhập WTO của TQ còn là con đường lịch sử trong ý nghĩa vận mệnh TQ tùy thuộc nơi quyết định đó. Bài học bế quan tỏa cảng của triều đình Mãn Thanh thế kỷ trước vẫn là điều khó quên đối với đất nước với lịch sử thăng nhiều hơn là trầm này. Con đường WTO còn mang ý nghĩa lịch sử trong nghĩa đen của nó. Chẳng qua, TQ có trở thành thành viên WTO cũng chỉ là "châu về hợp phố". Nên nhớ rằng năm 1947, TQ (lúc đó dưới trào Tưởng Giới Thạch là Trung Hoa dân quốc) đã từng là thành viên sáng lập, trong thực tế là "hữu danh vô thực" của tổ chức GATT, và rằng từ năm 1986 đến 1994, TQ đã ráo riết thương thuyết để tham gia GATT hầu một khi GATT được thay thế bằng WTO, TQ

sẽ đóng vai trò thành viên sáng lập của WTO như ngày nào Trung Hoa dân quốc đã từng là thành viên sáng lập GATT. Con đường lịch sử đó đã buộc TQ, vì tham vọng trở thành một cường quốc kinh tế trong một thị

trường toàn cầu, mà trong hai năm qua, TQ đã "cắn răng" đóng vai trò "cứu hộ" các nền kinh tế Đông Nam Á bằng cách nhất quyết không phá giá đồng nhân dân tệ vào lúc mà các nước này vì đồng tiền mất giá mà có lợi thế xuất khẩu. Sự can đảm này của TQ đã được cộng đồng kinh tế tài chính thế giới biểu dương. Lịch sử thường được viết vào những thời điểm cần đến những quyết định can đảm và các nhà lãnh đạo TQ trong hơn 13 năm qua đã làm được điều đó.

Tất nhiên, TQ đã ở trong một giai đoạn phát triển nhất định nào đó. Thế còn những nước có trình độ phát triển kém hơn? Các hiệp định khác nhau của WTO đã ấn định những điều khoản "khoan sức" các nước có trình độ phát triển thấp nhất, dành cho các nước này một thời hạn khá dài để duy trì một số biện pháp bảo hộ, thậm chí những biện pháp "bảo toàn" trong trường hợp một ngành nào đó có nguy cơ phá sản vì sức ép bên ngoài. Thế nhưng, không một sự bảo hộ từ bên ngoài nào bằng sự bảo hộ từ bên trong, không phải bằng các chính sách thuế khóa bảo hộ lỗi thời, mà bằng sự chuẩn bị và quyết tâm nhập cuộc. Với quyết định gia nhập ASEAN vào năm 1995, chủ trương hội nhập đã trở thành một hiện thực không ngừng tiến triển. Gia nhập ASEAN dẫn đến tham gia AFTA. Sau đó là tham gia APEC. Trong tương lai sẽ là gia nhập WTO. Càng dấn bước trên con đường hội nhập, càng nhận ra rằng sự hợp tác là hữu ích, là cần thiết, là phong phú, bằng cớ là những hợp tác với các nước ASEAN trong nhiều lĩnh vực, từ an ninh (quốc phòng) trong phạm vi khu vực và ngoài khu vực qua các diễn đàn khu vực (ARF) đến an ninh xã hội (hợp tác bài trừ ma túy, bài trừ tội phạm quốc tế...), từ giáo dục đến thông tin, công tác thanh niên...Thế nhưng, không tránh khỏi những cảm nhận rằng sự hợp tác đó sao lại vất vả chứ không như êm ả thuở nào "đường ta, ta cứ đi". Vấn đề không phải là hội nhập nữa hay thôi mà là làm gì để hội nhập.

Trong âm hưởng của việc TQ bước vào ngưỡng cửa WTO, không thể không nghĩ đến việc một mai VN cũng gia nhập WTO, chặng cuối của tiến trình hội nhập, sau khi đã gia nhập ASEAN và APEC. Chính vì thế, trong khuôn khổ bài này, xin thử hình dung những vấn đề sẽ đặt ra trong quá trình hội nhập đó.

Như đã thấy qua trường hợp TQ, việc ký kết một hiệp định thương mại với Mỹ, bên cạnh một hiệp định thương mại với EU và một số cường quốc khác, là điều kiện tiên quyết. Kinh nghiệm của TQ là thương thuyết đến kỳ cùng, đến khi nào không thể mặc cả gì được nữa mới ký, nhưng nhất định là phải ký. Điều kiện tối thiểu để thương thuyết có hiệu quả chính là biết người, biết ta trong ý nghĩa phải hiểu biết người muốn gì, phải biết rõ ta có khả năng gì và đến đâu để còn cụ thể hóa được những gì ta muốn. Trong vế phải hiểu biết người muốn gì, hàm ý sau: những gì người muốn tức các điều kiện do "đối phương" đưa ra đã là "lồ lộ" trong từng buổi đàm phán song phương giữa các quan chức hai bên. Thế nhưng nếu chỉ các quan chức mới biết mà thôi, e rằng không phải là thượng sách, mà phải làm sao cho những giới liên quan, cụ thể là các doanh nghiệp, tức những người sẽ phải thực thi các hiệp định mà các quan chức sẽ ký, bằng mồ hôi nước mắt, tiền của của mình, cũng cùng được biết.

Thí dụ như trong lĩnh vực hàng may mặc, đối phương ra yêu sách gì, thì nên để cho giới công nghiệp may mặc được biết để tham gia góp ý kiến. Nếu nhìn trong góc độ "bí mật quốc gia" quen thuộc, sẽ cho rằng ý kiến này là "láo lếu". Thế nhưng, nếu nhìn sang các nước phát triển, sẽ thấy đây là chuyện thường tình, nếu không muốn nói là bắt buộc đã được định chế hóa bằng hình thức hiệp thương giữa chính phủ, giới chủ nhân và các nghiệp đoàn. Thí dụ như tại Pháp, chính phủ, trước khi và trong khi thương thuyết một hiệp định kinh tế hay ban hành một quyết định, đều phải tham khảo hội đồng chủ nhân (CNPF) cùng các nghiệp đoàn. Như hiện nay là dự án luật giảm giờ lao động xuống còn 35 giờ/tuần, đâu phải chính phủ của đảng Xã hội hiện đang cầm quyền này muốn giảm xuống còn 35 giờ lao động một tuần là muốn: giới chủ nhân (qua CNPF), giới công nhân (qua các nghiệp đoàn) phải được tham khảo, thương thuyết. Ở Mỹ, trước thềm hội nghị cấp cao WTO, các nghiệp đoàn Mỹ (AFLCIO) cũng đã ra thông cáo nêu rõ quan điểm của mình là chính phủ Mỹ phải buộc các nước khác bãi bỏ điều khoản trợ cấp cho xuất khẩu để hàng Mỹ bớt dội chợ, công nhân Mỹ bớt bị đe dọa thất nghiệp.

Sự tham khảo hiệp thương này còn là một nhu cầu của thực tế đàm phán với bên ngoài, vì lẽ giới chủ nhân và các nghiệp đoàn, hiểu rõ thực trạng của mình hơn ai hết, sẽ giúp chính phủ nắm vững tình hình. Đây không phải là "dân chủ" hay "không dân chủ" mà là sự khôn ngoan cần thiết xuất phát từ yêu cầu của thực tế. Có ý kiến cho rằng các nhà doanh nghiệp biết gì về mặt tổng thể mà thưa với thốt, có tham khảo chỉ tổ "rách việc"! Thế nhưng, thực tế vừa qua đã chỉ rõ rằng chính vì không tham khảo, chứ khoan nói đến hiệp thương, mà không ít các chính sách, vào lúc ban hành được đoan chắc là "tiến bộ nhất", là "chắc ăn" nhất...đã "tan tành" như Luật thuế giá trị gia tăng mà nay, chỉ 11 tháng sau ngày được ban hành và đưa vào áp dụng, "Bộ tài chính có thể sẽ xem xét sửa đổi toàn bộ, trong đó có những vấn đề sẽ được xem xét kỹ hơn như có nên quy định các mặt hàng đã chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có phải chịu thuế VAT hay không, cũng như xem xét lại việc xác định số lượng và mức thuế suất" (Tuổi trẻ 23.11.1999). Chính

phủ tham khảo các nhà doanh nghiệp, các nhà doanh nghiệp tham khảo chính phủ, tìm hiểu những hiệp định đã và sắp ký kết, chính là một nhu cầu của thực tế và cũng là một yêu cầu đặt ra bởi WTO cho tất cả các thành viên: các chính sách phải có thể được tiên liệu trước và công khai. Lấy thí dụ các hiệp định tham gia AFTA đã ký với ASEAN: khi chưa ký chẳng nhà doanh nghiệp nào hay đã đành, ký xong "từ đời tám hoánh nào" rồi cũng chẳng nhà doanh nghiệp nào rõ, mãi cho đến năm 1998 mới bắt đầu có một số doanh nghiệp biết được ngành của mình sẽ ra sao trong AFTA. Còn nhớ ngay sau khi được hân hạnh chứng kiến việc VN được kết nạp vào ASEAN năm 1995, trên trang mục này, người viết bài đã viết, đại ý: công việc gia nhập ASEAN của các nhà ngoại giao đã xong, nay là công việc gia nhập AFTA của các nhà doanh nghiệp, phải cho họ biết họ sẽ phải làm gì. Không rõ ngành mình sẽ "mở cửa" đến đâu, khi nào, làm sao có thể định hướng lại chiến lược sản xuất kinh doanh? Trong khi "phe ta" kín như bưng, thì "đối phương" lại công khai, ngay cả với "phe ta". Bằng cớ là cách đây không lâu Tổng lãnh sự quán Mỹ đã chủ động trình bày với các nhà doanh nghiệp của chúng ta về "Những gì mà các nhà doanh nghiệp VN cần làm một khi hiệp định song phương được ký kết" trong một buổi họp tại khách sạn New World. Không rõ có phải vì thiếu tham khảo mà về phía các nhà doanh nghiệp không phải ai cũng hướng đến hội nhập như cách đây không lâu Thủ tướng Phan Văn Khải đã phải trách, đại ý: "Các nhà doanh nghiệp không quan tâm đến hội nhập bằng chính phủ".

Không hẳn là lạc quan hay bi quan khi tự hỏi con số 20% doanh nghiệp quốc doanh có lãi phải chăng là con số doanh nghiệp sẽ trụ lại được một khi hội nhập và số còn lại sẽ vẫn là "thua lỗ liên tục"? Tái cơ cấu một cách triệt để số xí nghiệp thua lỗ này là một yêu cầu tiên quyết nếu muốn hội nhập phiên chợ WTO. Trong các biện pháp tái cơ cấu đó, có biện pháp cổ phần hóa. Đến đây, xin nhắc một ý kiến của Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng: "Nhiều lãnh đạo doanh nghiệp chưa tự giác làm nhanh, thậm chí không muốn tiến hành cổ phần hóa vì sợ rằng khi cổ phần hóa rồi mình không còn được làm giám đốc nữa" (Tuổi trẻ 23.11.1999) là một nhận xét đáng nghiền ngẫm để rồi từ đó giải quyết rốt ráo vấn nạn này.

Song song với biện pháp cổ phần hóa là biện pháp giải tỏa dần hồi tính độc quyền của một số doanh nghiệp trong một số lĩnh vực. Chống độc quyền là một trong những phương châm hoạt động của WTO và là xu hướng chung. Ngay cả cả tập đoàn Microsoft, cho dù có đem lại số ngoại tệ kếch xù cho nước Mỹ, cũng bị chính phủ Mỹ "dập" vì thế độc quyền mà tập đoàn này, do tính đặc thù của sản phẩm của mình, mà vô hình trung rơi vào thế độc quyền. Bởi thế, ý kiến của Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng "Chính phủ đang nghiên cứu phân ra loại nào thì nhà nước giữ độc quyền, loại nào thì mở ra cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia. Và ngay cả trong loại nào nhà nước độc quyền thì cũng không phải một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn mà sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước cùng cạnh tranh với nhau..." (Tuổi trẻ 23.11.1999) càng cho thấy quyết tâm hướng đến hội nhập của chính phủ. Thế nhưng, cả cổ phần hóa lẫn giảm thiểu độc quyền sẽ chỉ thành công một khi chính các nhà doanh nghiệp tự nhận thức được những gì mình phải làm để có thể thích nghi với một tương lai hội nhập mà cạnh tranh sòng phẳng chính là điều kiện tiên quyết.

Hướng đến WTO còn là hướng đến bằng con đường tri thức, từ công nghệ đến luật lệ (trong nước cũng như quốc tế). Đã qua rồi thời kỳ mà những mày mò tháo gỡ các máy móc thiết bị ngoại nhập rồi đem đi cải tiến, sản xuất nhái theo được xem là "sáng kiến cải tiến kỹ thuật". Đơn giản là vì làm như thế chính là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Nay là lúc tự mình sáng chế hoặc mua lại bản quyền và sản phẩm. Không thể hội nhập khi mà các doanh nghiệp vẫn chỉ loay hoay làm hàng giả, hàng nhái, mà không tự mình nghiên cứu triển khai. Đến đây, càng thấy nhu cầu "cầu nối" giữa các trường đại học, viện nghiên cứu...với các doanh nghiệp là cần thiết. Một kinh nghiệm của Pháp đáng được nghiên cứu: xí nghiệp nào tài trợ bao nhiêu cho một công trình nghiên cứu của một trường đại học, viện nghiên cứu sẽ được giảm thuế bấy nhiêu. Tất nhiên, ở đây không thể có trường hợp "móc ngoặc". Trong một góc độ khác, mới đây báo chí loan tin chính phủ khuyến khích du học tự túc: đây là một tín hiệu mới tuy chậm trễ. Thế nhưng, vẫn còn một vấn đề; làm thế nào huy động được nguồn nội lực vật chất và tinh thần từ cộng đồng Việt kiều? Dường như, vẫn chưa thấy một tiến bộ nào trong lĩnh vực này. Nếu sự đóng góp của Việt kiều chỉ dừng lại ở khâu kiều hối, thì rõ ràng đó là một sự "chưa khai thông". Ít nhất cũng để cho Việt kiều cũng như ngoại kiều và ngay cả người dân trong nước tin rằng sẽ không có những "rủi ro" không tiên liệu trước trong các chính sách. Bất cứ một nhà đầu tư lớn nhỏ nào cũng phải cân nhắc đến những yếu tố bất trắc trước khi đầu tư vào một cái gì đó, huống hồ là đầu tư cả cuộc đời mình qua quyết định hồi hương.
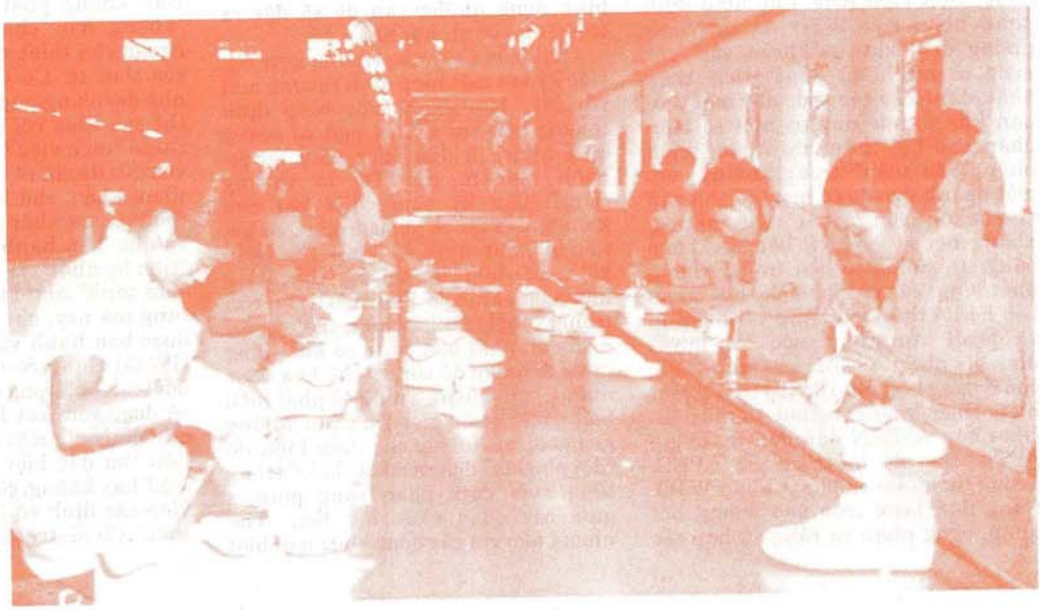
Nếu nhìn nhận rằng con đường hội nhập là tất yếu, thì cũng tất nhiên phải trở mình theo con đường nhức nhối nhưng vinh quang mà TQ đã can đảm đi trước, tất nhiên là theo cách của ta, TQ theo cách của TQ ■